

Bản án số: 337/2025/HS-ST

Ngày: 30/12/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Bửu Tịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Châu Thị Lệ – Nguyên chuyên viên Phòng Giáo dục quận Gò Vấp

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Gia Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Quách Diệp Nguyệt T - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai và tuyên án vào lúc 9 giờ 00 ngày 30/12/2025 vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2025/TLST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 283/2025/QĐXXST-HS, ngày 04 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 569/2025/HSST-QĐ ngày 28/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 792/2025/HSST-QĐ ngày 18/9/2025 đối với các bị cáo:

1/- Võ Đại L, sinh ngày: 07/01/2005, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: Số D đường L, phường H (Phường A, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: số D đường số A, phường T (Phường H, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Như D, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1972; Chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; Tạm giam: 31/10/2022 (Có mặt).

2/- Nguyễn Phạm Duy K, sinh năm: 29/5/2008, tại: Sóc Trăng; Hộ khẩu thường trú: Số B đường H, ấp A, xã K (xã K, huyện K cũ), thành phố Cần Thơ (tỉnh Sóc Trăng cũ); Chỗ ở: số B đường N, phường G (Phường A, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu D1, sinh năm 1974 và bà Phạm Thị T1, sinh năm 1973; Chưa có vợ, con;

tiền án, tiền sự: Không; Tạm giam: 31/10/2022; Hủy bỏ biện pháp tạm giam: 16/6/2023 (Có mặt).

3/- Lê Đình Quốc V, sinh ngày: 01/9/2006, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: xã T (xã H, huyện Ú cũ), thành phố Hà Nội; Chỗ ở: số D đường L, phường G (Phường A, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình Quốc B, sinh năm 1971 và bà Phùng Thị H1, sinh năm 1973; Chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; Tạm giam: 31/10/2022; (Có mặt).

4/- Lý Ngọc T2 (Đen), sinh ngày: 30/11/2005, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: số C đường N, phường G (Phường A, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Thanh H2, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1976; Chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; Tạm giam: 31/10/2022; (Có mặt).

5/- Trương Thanh T3, sinh ngày: 23/10/2005, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: số C đường N, phường G (Phường A, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: số A đường L, phường A (Phường A, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn T4, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1970; Chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; Tạm giam: 31/10/2022; (Có mặt).

6/- Đoàn Minh N1, sinh ngày: 28/6/2006, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: số A ấp A, xã Đ (xã N, huyện H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Thợ hớt tóc; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Thanh S, sinh năm 1984 và bà Đinh Thị Thu T6, sinh năm 1983; Chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: 31/10/2022; Hủy bỏ biện pháp tạm giam: 16/12/2022 (Có mặt).

7/- Nguyễn Tấn L1, sinh ngày: 18/01/2004, tại: Tiền Giang; Hộ khẩu thường trú: số C đường L, phường G (Phường A, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Thợ sửa xe; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn T7, sinh năm 1973 và bà Phạm Ngọc H3, sinh năm 1973; Chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không; Tạm giam: 31/10/2022; Hủy bỏ biện pháp tạm giam: 19/01/2023 (Có mặt).

8/- Nguyễn Minh Đ, sinh ngày: 15/11/2003, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: số I đường Q, phường T (Phường H, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Nhà không số, tổ A, ấp B, xã Đ (xã Đ, huyện H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: nhân viên giao hàng; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh D2, sinh năm 1978 và bà Huỳnh Thị Ngọc N2, sinh năm 1980; Chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không; Tạm giam: 31/10/2022; Hủy bỏ biện pháp tạm giam: 19/01/2023 (Có mặt).

9/- Trần Văn T8, sinh ngày: 07/11/2005, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: ấp A, xã H (xã A, huyện C cũ), tỉnh Tây Ninh; Chỗ ở: số A đường số H, phường T (Phường A, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: thợ sửa xe; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H4, sinh năm 1971 và bà Phan Thị Mỹ L2, sinh năm 1975; Chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; Tạm giam: 31/10/2022; Hủy bỏ biện pháp tạm giam: 16/12/2022 (Có mặt).

- Bị hại: Em Trịnh Thái M, sinh ngày 22/01/2006 (đã chết); Đại diện hợp pháp cho bị hại: Bà Trương Thị T9, sinh năm 1980; Hộ khẩu thường trú: số F TA E, khu phố G, phường T (phường T, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt);

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại: Ông Nguyễn Hữu M1 – Luật sư Văn phòng L8 (Có mặt).

- Đại diện hợp pháp cho Nguyễn Phạm Duy K: Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1973; Hộ khẩu thường trú: Số B đường H, ấp A, xã K (xã K, huyện K cũ), thành phố Cần Thơ (tỉnh Sóc Trăng cũ); Chỗ ở: số B đường N, phường G (Phường A, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt);

- Người bào chữa cho bị cáo Lý Ngọc T2: Bà Phan Thị Ngọc T10, sinh năm 1978 – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố H (Có mặt);

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phạm Duy K: Ông Huỳnh Tấn Đ1, sinh năm 1965 - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố H (Có mặt);

- Người bào chữa cho bị cáo Võ Đại L: Bà Trần Thị H5, sinh năm 1983 - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố H (Có mặt);

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Đình Quốc V: Ông Trần Văn L3, sinh năm 1959 – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố H (Có mặt);

- Người bào chữa cho bị cáo Trương Thanh T3: Ông Bùi Thới V1, sinh năm 1977 - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố H (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/- Em Phạm Minh T11, sinh ngày 03/8/2009; Hộ khẩu thường trú: số A đường H, phường Đ (Phường I, quận P cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: hẻm S đường Q, phường A (Phường A, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt);

Đại diện hợp pháp: Ông Phạm Minh T12, sinh năm 1974; Hộ khẩu thường trú: số A đường H, phường Đ (Phường I, quận P cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: hẻm S đường Q, phường A (Phường A, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

2/- Bà Trần Thị Bích L4, sinh năm 1970; Hộ khẩu thường trú: số A đường P, phường G (Phường A, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt);

3/- Ông Phạm Minh P, sinh năm 1977; Hộ khẩu thường trú: số D đường T, phường G (Phường A, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt);

4/- Em Đỗ Thị Tuyết N3 – sinh ngày: 23/8/2007; Hộ khẩu thường trú: số A bis tổ E, khu phố F, phường T (phường T, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt);

Đại diện hợp pháp: Bà Đỗ Thị Tuyết N4, sinh năm 2003; Hộ khẩu thường trú: xã Đ (xã T, huyện H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt);

5/- Em Huỳnh Hoàng L5 – sinh ngày: 27/12/2008; Hộ khẩu thường trú: số E, đường N, phường Đ (Phường D, quận P cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 2 đường N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt);

Đại diện hợp pháp: Bà Huỳnh Thị L6, sinh năm 1972; Hộ khẩu thường trú: số E, đường N, Phường D, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 2 đường N, phường G (Phường A, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

6/- Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1973; Địa chỉ: 2 N, phường G (Phường A, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt);

7/- Ông Nguyễn Tấn T7, sinh năm 1973; Hộ khẩu thường trú: 383/50/19 L, phường G (Phường A, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn từ trước nên nhóm của Lý Ngọc T2 gồm: Lý Ngọc T2, Trương Thanh T3, Trần Văn T8, Nguyễn Minh Đ, Võ Đại L, Nguyễn Phạm Duy K, Lê Đình Quốc V, Huỳnh Hoàng L5 – sinh ngày 27/12/2008 (13 tuổi 10 tháng 02 ngày), Phạm Minh T11 – sinh ngày: 03/8/2009 (13 tuổi 02 tháng 26 ngày) và Trịnh Quốc T13 – sinh ngày: 08/11/2009 (12 tuổi 11 tháng 21 ngày) gặp nhóm của Nguyễn Tấn L1 gồm: Nguyễn Tấn L1, Đoàn Minh N1, Trịnh Thái M – sinh ngày: 22/01/2006 (đã chết) và Đỗ Thị Tuyết N3 – sinh ngày: 23/8/2007 (15 tuổi 02 tháng 06 ngày), cụ thể: Khoảng 19 giờ ngày 29/10/2022, Trần Văn T8, Võ Đại L, Lý Ngọc T2, Doãn Duy K1 - sinh ngày: 01/7/2004, Huỳnh Hoàng L5 và Lê Quang V2 đi chơi Siêu thị L9, trên đường N rồi cùng nhau đi bộ về Công viên khu phố D, phường A, quận G. Sau đó, Huỳnh Hoàng L5 đi bộ về nhà số B đường N, phường A, quận G lấy xe máy hiệu Dream biển số 53V5-7046 chạy đến hẻm chùa K3 chờ Võ Đại L, Trần Văn T8, Trịnh Quốc T13 đi đến Công viên khu phố F, phường A, quận G trước. Nguyễn Phạm Duy K điều khiển xe máy Wave S biển số 60X3-1420 chạy từ Siêu thị L9 đến chùa K3 thì gặp Lê Quang V2, Lý Ngọc T2, Doãn Duy K1, Phạm Minh T11. Sau khi gặp nhau Lê Quang V2 điều khiển xe máy hiệu Wave S biển số 60X3-1420 chở Nguyễn Phạm Duy K, Lý Ngọc T2, Phạm Minh T11, Doãn Duy K1 đến hẻm C N, phường A, quận G thì gặp nhóm của Nguyễn Tấn L1 gồm, lúc này gồm có: Trịnh Thái M, Đoàn Minh N1, Đỗ Thị Tuyết N3, Trần Văn T14 (sinh ngày: 16/01/2008), lúc này chưa có

Nguyễn Tấn L1. Sau khi gặp nhau hai nhóm xảy ra mâu thuẫn cự cãi nhau, Lê Quang V2, Lý Ngọc T2 la to, nhóm của Nguyễn Tấn L1 chửi lại thì Lê Quang V2 chạy xe vào hẻm 328 Nguyễn Văn L7 dừng lại và xuống xe, Nguyễn Phạm Duy K canh giữ xe, còn Lê Quang V2, Lý Ngọc T2, Doãn Duy K1, Phạm Minh T11 mỗi người hai tay cầm hai viên gạch ống (loại gạch 04 lỗ) đi đến nhóm của Nguyễn Tấn L1 hỏi “chửi gì vậy”, hai bên cự cãi nhau thì nhóm của Nguyễn Tấn L1 xin lỗi nên Lê Quang V2 điều khiển xe máy chở cả nhóm đi đến Công viên khu phố F, phường A, quận G. Cùng lúc, Lê Đình Quốc V đi bộ từ nhà đến công viên khu phố F rồi gộp nhóm lúc này gồm có: Lê Quang V2, Lý Ngọc T2, Phạm Minh T11, Doãn Duy K1, Nguyễn Phạm Duy K, Huỳnh Hoàng L5, Trần Văn T8, Trịnh Quốc T13, Võ Đại L, Lê Đình Quốc V. Tại đây, Lý Ngọc T2, Lê Quang V2, Doãn Duy K1 kể lại cho Huỳnh Hoàng L5 nghe: “Tụi tao vừa cự cãi nhau với nhóm của Nguyễn Tấn L1” rồi Lê Quang V2 mượn xe máy của Nguyễn Phạm Duy K chở Doãn Duy K1 đi ăn.

Khoảng 21 giờ 45 ngày 29/10/2022, Nguyễn Tấn L1 ra Công viên khu phố 4 gặp Trịnh Thái M, Đoàn Minh N1, Trần Văn T14, Đỗ Thị Tuyết N3 rồi gộp nhóm, sau đó Trần Văn T14 đi về nhà. Nhóm của Nguyễn Tấn L1 có 04 người (gồm Nguyễn Tấn L1, Trịnh Thái M, Đoàn Minh N1, Đỗ Thị Tuyết N3) đi trên 03 xe gắn máy, Đoàn Minh N1 điều khiển xe gắn máy biển số 51R4 – 9587, Nguyễn Tấn L1 điều khiển xe gắn máy biển số 37D1 – 500.15, Trịnh Thái M điều khiển xe gắn máy biển số 53Y4 - 8170 chở Đỗ Thị Tuyết N3 đi tìm nhóm của Lý Ngọc T2 để đánh nhau giải quyết mâu thuẫn. Khi đi đến Công viên khu phố F, phường A, quận G, Nguyễn Tấn L1 chỉ tay về phía nhóm của Lý Ngọc T2 (lúc này gồm có Lý Ngọc T2, Trần Văn T8, Huỳnh Hoàng L5, Võ Đại L, Phạm Minh T11, Nguyễn Phạm Duy K, Trịnh Quốc T13, Lê Đình Quốc V) hỏi những người trong nhóm “Có phải tụi nó không? Nhớ mặt mấy thằng này không?”. Nghe vậy, nhóm của Lý Ngọc T2 xông đến đánh nhau với nhóm của Nguyễn Tấn L1, thấy nhóm của Lý Ngọc T2 nhiều người nên nhóm của Nguyễn Tấn L1 điều khiển xe máy bỏ chạy nhưng tự va chạm với nhau dẫn đến té ngã. Lúc này, Phạm Minh T11 cầm ống nước bằng nhựa đánh vào lưng của Đoàn Minh N1. Nguyễn Minh Đ và Trương Thanh T3 đang ngồi uống cà phê đối diện Công viên khu phố 6 thấy nhóm của Lý Ngọc T2 đánh nhau với nhóm của Nguyễn Tấn L1 nên Nguyễn Minh Đ chạy đến dùng chân phải đá mạnh một cái vào đùi của Đoàn Minh N1; Trần Văn T8, Huỳnh Hoàng L5, Phạm Minh T11, Võ Đại L, Lý Ngọc T2 đuổi đánh Nguyễn Tấn L1 chạy vào nhà dân đối diện công viên, Trần Văn T8 dùng tay phải đánh vào bụng, vai trái của Nguyễn Tấn L1, dùng ống nước bằng nhựa đâm 03 nhát vào người Nguyễn Tấn L1, Huỳnh Hoàng L5 dùng hai tay cầm hai miếng gạch men đập vào vai của Nguyễn Tấn L1, Võ Đại L dùng tay phải đánh hai cái vào bắp tay trái của Nguyễn Tấn L1, Lý Ngọc T2 dùng chân phải đá một cái vào hông phải và giật cùi chỏ vào mặt của Nguyễn Tấn L1, Phạm Minh T11 dùng cây chổi quét sân đánh một cái vào đầu của Nguyễn Tấn L1. Sau đó, Phạm Minh T11 quay ra thấy Trịnh Thái M đứng trước mặt nên nhảy lên dùng chân phải đạp mạnh vào bụng, ngay rốn của Trịnh Thái M làm Trịnh Thái M ngã ngửa đầu đập

xuống đất, Võ Đại L xông đến dùng chân phải đá mạnh hai cái vào bắp tay phải của Trịnh Thái M, Lý Ngọc T2 dùng chân phải đá mạnh hai cái vào hông của Trịnh Thái M, Trương Thanh T3 chạy đến dùng chân phải đá mạnh một cái vào người của Trịnh Thái M (không nhớ trúng ở đâu), Nguyễn Phạm Duy K dùng chân phải đá mạnh một cái vào bụng của Trịnh Thái M; Lê Đình Quốc V dùng chân phải đá mạnh một cái vào vai trái của Trịnh Thái M, còn Trịnh Quốc T13 có mặt tại hiện trường nhưng không tham gia đánh nhau. Hậu quả làm Trịnh Thái M chết ngay tại chỗ, Nguyễn Tấn L1 bị thương được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện A.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Võ Đại L, Lê Đình Quốc V, Lý Ngọc T2, Trương Thanh T3, Nguyễn Phạm Duy K, Đoàn Minh N1, Nguyễn Minh Đ, Trần Văn T8, Nguyễn Tấn L1 khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 6254-22/KL-KTHS ngày 13/12/2022 của Phòng K4 - Công an Thành phố H đối với tử thi Trịnh Thái M (Sinh năm: 2006; Hộ khẩu thường trú: số F, khu phố G, phường T, quận A), kết luận:

- Nguyên nhân chết: Trịnh Thái M chết do chấn thương sọ não.
- Trong máu không tìm thấy cồn.
- Trong máu và nước tiểu không tìm thấy ma túy.
- Trong máu và chất chứa dạ dày không tìm thấy các chất độc thường gặp.
- Cơ chế hình thành dấu vết thương tích:

+ Vùng đầu: Xây xát da cằm trái, kích thước 1,5cmx1cm. Bầm tụ máu, xây xát trán lệnh trái, kích thước 7cmx4,5cm. Bầm tụ máu, xây xát da đuôi mắt phải, kích thước 4cmx3cm. Xây xát da trước vành tai phải, kích thước 0,4cmx0,2cm. Bầm tụ máu sau tai trái-thái dương trái, cằm trái, kích thước 11cmx8cm. Các vết thương này là do tiếp xúc trực tiếp với vật tày gây ra.

+ Xây xát da mu ngón 3 tay phải, kích thước 0,4cmx0,2cm. Xây xát da 1/3 dưới trước ngoài cẳng chân trái, kích thước 2,1cmx0,3cm. Các thương tích này là do tiếp xúc trực tiếp với vật tày.

+ Các hung khí nêu trong Quyết định trưng cầu giám định 03/QĐ-PC02-Đ7 ngày 30/10/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H không đủ đặc điểm để trả lời câu hỏi có gây ra được vết thương trên người nạn nhân hay không?

Căn cứ Kết luận giám định pháp y bổ sung số 2024-23/KLGD-PY ngày 15/3/2023 của Phòng K4 - Công an Thành phố H kết luận:

+ Vùng đầu: Xây xát da cằm trái, kích thước 1,5cmx1cm. Bầm tụ máu, xây xát trán lệnh trái, kích thước 7cmx4,5cm. Bầm tụ máu, xây xát da đuôi mắt phải, kích thước 4cmx3cm. Xây xát da trước vành tai phải, kích thước 0,4cmx0,2cm. Bầm tụ máu sau tai trái-thái dương trái, cằm trái, kích thước 11cmx8cm. Các vết thương này là do tiếp xúc trực tiếp với vật tày gây ra.

+ Trịnh Thái M chết do chấn thương sọ não là do tác động tổng hợp các vết thương bên ngoài vùng đầu gây ra.

- Xây sát da mu ngón 3 tay phải, kích thước 0,4cmx0,2cm. Là do tiếp xúc với vật tày gây ra. Không gây ra tử vong cho nạn nhân.

- Không có cơ sở kết luận tác động vật lý của đối tượng nào là nguyên nhân gây ra cái chết của nạn nhân vì đây là tình huống động.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận G đã tiến hành thực nghiệm điều tra để dựng lại hiện trường, diễn lại hành vi, tình huống hoặc những tình tiết khác của một sự việc nhất định và tiến hành thực nghiệm các hoạt động cần thiết phù hợp với nội dung vụ án và có camera được trích xuất từ hiện trường vụ án trên.

- Cơ quan điều tra xác định: Tại thời điểm bị hại Trịnh Thái M té ngã có đặc điểm về địa hình gồ ghề, không có chướng ngại vật, vật cản; đặc điểm hình thể của bị hại trung bình cao 1,62m, còn Phạm Minh T11 cao 1,70m, nặng 50kg, hình thể hơi ốm.

- Cơ quan điều tra tiến hành hỏi cung các bị cáo nhóm Lý Ngọc T2 đều khai nhận: vụ án đánh nhau dẫn đến chết người nêu trên các bị cáo hành động bột phát, không có sự bàn bạc thống nhất cùng thực hiện.

- Qua đối chiếu camera, thực nghiệm điều tra, lời khai nhận tội của các bị cáo, Cơ quan điều tra không thể xác định được bị cáo nào tác động trực tiếp vào vùng đầu của bị hại Trịnh Thái M. Khả năng các xây sát vùng đầu của bị hại Trịnh Thái M là khi bị hại té ngã lăn một vòng, khi nằm úp xuống đất thì bị các bị cáo tác động vật lý từ vùng vai, tay, chân, lưng làm đầu của bị hại va chạm vào mặt đường gây ra.

Vật chứng vụ án:

- 01 ống nhựa Bình Minh dài 167cm (loại Fi 21);

- 01 cục bê tông hình khối kích thước 20x14x12 cm.

- Một vài mảnh nhựa màu đỏ.

- Một vài viên gạch men đã bị vỡ.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung S8 là tài sản thuộc sở hữu của Đoàn Minh N1;

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO là tài sản thuộc sở hữu của Đỗ Thị Tuyết N3;

- 01 xe mô tô hiệu Dream màu nho biển số 53V5-7046 thu giữ của Huỳnh Hoàng L5. Qua xác minh xe gắn máy trên do chị Trần Thị Bích L4, sinh năm 1970, nơi cư trú: 1 P, phường G (Phường A, quận G cũ) đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc chị L4 cho biết đã bán xe gắn máy trên cho một người không rõ lai lịch.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Wave S màu bạc biển số 60X3-1420 thu giữ tại hiện trường (xe do Nguyễn Phạm Duy K điều khiển). Qua xác minh xe gắn máy trên do ông Đặng Công K2, sinh năm 1974; Hộ khẩu thường trú: ấp B, xã N (xã P, huyện N cũ), tỉnh Đồng Nai đứng tên chủ sở hữu. Xác minh tại nơi cư trú hiện tại anh Đặng Công K2 không có mặt nên chưa làm việc được.

- 01 xe mô tô biển số 53Y4-8170 thu giữ tại hiện trường (do Trịnh Thái M điều khiển). Qua xác minh xe gắn máy trên do ông Trần Thọ C, sinh năm 1963; Hộ khẩu thường trú: số A đường T-T, xã B (xã T, huyện H cũ), Thành phố Hồ

Chí Minh đứng tên chủ sở hữu. Xác minh tại nơi cư trú hiện tại ông Trần Thọ C không có mặt nên chưa làm việc được.

- 01 (một) xe mô tô biển số 37D1-500.15 thu giữ tại hiện trường (do Nguyễn Tấn L1 điều khiển). Qua xác minh xe gắn máy trên do anh Phan Sỹ H6, sinh năm 1985; Hộ khẩu thường trú: X6 xã L (xã T, huyện Đ cũ), tỉnh Nghệ An đứng tên chủ sở hữu. Ngày 10.6.2020, anh H6 bán lại xe trên cho ông Nguyễn Tấn T7, sinh năm: 1973, ngụ: 383/50/19 L, phường G (phường A, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (cha của Nguyễn Tấn L1) với giá 6.000.000 đồng (chưa sang tên). Nguyễn Tấn L1 sử dụng xe đi gây án ông Nguyễn Tấn T7 không biết.

- 01 (một) xe mô tô biển số 51R4-9587 thu giữ tại hiện trường (do Đoàn Minh N1 điều khiển). Qua xác minh xe gắn máy trên xác định do anh Phạm Minh P, sinh năm 1977; Hộ khẩu thường trú: số D đường T, phường G (Phường A, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc anh P cho biết đã bán xe gắn máy trên cho một người không rõ lai lịch.

- 02 USB hiệu Kingston chứa 06 đoạn video ghi lại hình ảnh các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội.

Cơ quan điều tra Công an quận G đã tiến hành nhập kho vật chứng theo Phiếu nhập kho vật chứng số 74/PNK ngày 04/4/2023 để giải quyết theo vụ án và đã đăng báo tìm chủ sở hữu đối với các xe mô tô thu giữ được nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 26/4/2023 đại diện gia đình của các bị cáo Võ Đại L, Nguyễn Phạm Duy K, Trương Thanh T3, Lê Đình Quốc V, Lý Ngọc T2 đã bồi thường cho chị Trương Thị T9 là mẹ ruột của bị hại Trịnh Thái M số tiền 190.000.000 đồng. Đến ngày 09/10/2023 Chị Trương Thị T9 có đơn xin bãi nại cho các bị cáo Võ Đại L, Nguyễn Phạm Duy K, Trương Thanh T3, Lê Đình Quốc V và Lý Ngọc T2.

Tại bản cáo trạng số 296/CT-VKS-QGV, ngày 07/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Võ Đại L, Nguyễn Phạm Duy K, Trương Thanh T3, Lê Đình Quốc V và Lý Ngọc T2 về tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết làm chết người theo điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngoài ra, Võ Đại L và Lý Ngọc T2 còn có hành vi dùng tay chân đánh nhau với nhóm Nguyễn Tấn L1 tại khu vực Công viên P, quận G. Hành vi của L và T2 đã phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hành vi của Đoàn Minh N1, Nguyễn Minh Đ và Nguyễn Tấn L1 dùng tay chân đánh nhau đã phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hành vi của Trần Văn T8 đã phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” với tình tiết “dùng hung khí” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên toà hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh sau khi luận tội và đưa ra quan điểm xét xử đối với vụ án đã đề nghị:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 134; khoản 1 Điều 318; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 55; Điều 101; Điều 103; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt Võ Đại L từ 04 năm 06 tháng tù đến 05 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt từ 05 năm đến 05 năm 09 tháng tù.

- Xử phạt Lý Ngọc T2 từ 04 năm 06 tháng tù đến 05 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt từ 05 năm đến 05 năm 09 tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt Trương Thanh T3 từ 04 năm 06 tháng tù đến 05 năm tù.

- Xử phạt Lê Đình Quốc V từ 04 năm 06 tháng tù đến 05 năm tù.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt Nguyễn Phạm Duy K từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 05 năm đến 06 năm.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt Trần Văn T8 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm.

Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt Đoàn Minh N1 từ 06 tháng đến 01 năm tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 02 năm.

Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt Nguyễn Minh Đ từ 09 tháng đến 01 năm 03 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm 06 tháng.

- Xử phạt Nguyễn Tấn L1 từ 09 tháng đến 01 năm 03 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm 06 tháng.

- Tịch thu và tiêu hủy 01 ống nhựa Bình Minh dài 167cm (loại Fi 21), 01 cục bê tông hình khối kích thước 20x14x12 cm, 02 vại mảnh nhựa màu đỏ và 01 vại viên gạch men đã bị vỡ.

- Trả lại cho Đoàn Minh N1 01 điện thoại di động hiệu Samsung S8, Đỗ Thị Tuyết N3 01 điện thoại di động hiệu OPPO;

- Tịch thu bổ sung chứng cứ hồ sơ 02 USB hiệu Kingston chứa 06 đoạn video ghi lại hình ảnh các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 xe gắn máy Dream màu nho biển số 53V5-7046 thu giữ của Huỳnh Hoàng L5.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (một) xe Wave S màu bạc biển số 60X3-1420 thu giữ tại hiện trường (xe do Nguyễn Phạm Duy K điều khiển).

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 xe gắn máy biển số 53Y4-8170 thu giữ tại hiện trường (do Trịnh Thái M điều khiển).

- Trả lại cho ông Nguyễn Tấn T7 01 (một) xe gắn máy biển số 37D1-500.15 thu giữ tại hiện trường (do Nguyễn Tấn L1 điều khiển).

- Tịch thu nộp sung quỹ nhà nước 01 (một) xe gắn máy biển số 51R4-9587 (xe do Đoàn Minh N1 điều khiển).

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Đình Quốc V:

Tôi xin chia sẻ gia đình bị hại. Tôi thống nhất với cáo trạng truy tố về tội danh và Điều luật áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên xin Hội đồng xét xử xem xét thêm cho bị cáo một số tình tiết như sau: Bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức chỉ đá một cái vào vai trái của M không nghĩ hành vi của mình tác động phần nào đến thương tích của bị hại, với độ tuổi bị cáo mới hơn 16 tuổi 01 tháng nhận thức của bị cáo về pháp luật và xã hội không được cao. Vì vậy, tôi đề nghị Hội đồng xét xử cần thiết xem xét tính chất mức độ lỗi của bị cáo tạo điều kiện cho bị cáo được trở lại hòa nhập cùng cộng đồng xã hội, cần thiết áp dụng b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 91 và 101 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017 cho bị cáo dưới khung hình phạt, bằng thời gian tạm giam và trả tự do cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trương Thanh T3:

Về tội danh và Điều luật áp dụng đối với 02 bị cáo thống nhất với cáo trạng truy tố. Tuy nhiên xin Hội đồng xét xử xem xét thêm cho các bị cáo một số tình tiết như sau: Xét nhân thân bị cáo T3 Với mức án đề nghị của Viện kiểm sát từ 04 năm 6 tháng đến 05 năm tù là quá nặng so với độ tuổi và hành vi của bị cáo, bị cáo tham gia với vai trò thứ yếu chỉ đá 01 cái vào người của bị hại khi bị hại té xuống đất gây thương tích cho bị hại. Trong suy nghĩ của bị cáo hoàn toàn không biết được hành vi của mình là tiếp tay giúp sức về mặt tinh thần gây thương tích trầm trọng dẫn đến chết người, bị cáo đã chủ động ra đầu thú, gia đình có công với cách mạng nên xin Hội đồng xét xử cần thiết xem xét tính chất mức độ lỗi của bị cáo tạo điều kiện cho bị cáo được sớm trở lại hòa nhập cùng cộng đồng xã hội. Tôi đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm thời hạn tù cho bị cáo bằng thời hạn tạm giam.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lý Ngọc T2:

Thông nhất với cáo trạng truy tố về tội danh và Điều luật áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên tôi cũng xin Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo: bị cáo chỉ đánh vào mông bị hại 02 cái đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải cần thiết áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo đã chủ động ra đầu thú. Gia đình có công với cách mạng, thuộc gia đình hộ nghèo. Ba mẹ chia tay khi bị cáo mới 6 tuổi, chỉ còn chị lo cho bị cáo. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự và Điều 119 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên cho bị cáo được hưởng mức án dưới đề nghị của Viện kiểm sát.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Võ Đại L:

Thông nhất với cáo trạng truy tố về tội danh và Điều luật áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên tôi cũng xin Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo: bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải giúp Cơ quan tố tụng nhanh chóng giải quyết vụ án cần thiết áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không có sự bàn bạc, bị cáo chưa thành niên, trình độ học vấn lại thấp. Bị cáo chỉ đá vào bắp chân bị hại. Nên tôi đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự và Điều 119 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên cho bị cáo được hưởng hình phạt thấp nhất để bị cáo som về với gia đình.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phạm Duy K:

Thông nhất với cáo trạng truy tố về tội danh và Điều luật áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên tôi cũng xin Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo: bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, gia đình bị cáo là động nghèo. Hành vi của bị cáo là bột bột thiếu suy nghĩ không bàn bạc để tước đoạt sinh mạng của bị hại, bị cáo hoàn toàn không biết được sự việc xảy ra nghiêm trọng đến như vậy, bị cáo hoàn toàn bất ngờ bị động và vô cùng hối hận. Bị cáo khi phạm tội mới được 14 tuổi 05 tháng nên cần áp dụng Điều 91 và 101 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Từ những phân tích trên xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án treo trở về hòa nhập cùng cộng đồng xã hội làm lại cuộc đời.

Đại diện Viện kiểm sát:

Khi nhận định đưa ra mức án Viện kiểm sát đã cân nhắc tất cả các tình tiết giảm nhẹ mà các luật sư đưa ra cho các bị cáo, đã xem xét nhân thân và mức độ lỗi cho từng bị cáo nên Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm đã đề nghị xử phạt các bị cáo.

Các luật sư bào chữa: Không có ý kiến

Ý kiến của đại diện hợp pháp của bị hại:

Xét thấy tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội trực tiếp xâm phạm tính mạng, quyền được sống của bị hại đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội chung. Hoàn toàn thống nhất với quan điểm tội danh và hình phạt truy tố đối với các bị cáo là đúng người đúng tội. Về việc bồi thường tại Cơ quan điều tra bên bị hại yêu cầu bồi thường 300.000.000 triệu đồng tiền chi phí ma chay và tổn thất tinh thần, nhưng đến nay chỉ nhận được tổng cộng 190.000.000 đồng. Nay tôi yêu cầu các

bị cáo bồi thường thêm 90.000.000 đồng để bù đắp tổn thất cũng như xoa dịu nỗi đau của gia đình. Tôi xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo theo quy định của pháp luật để răn đe giáo dục cho các bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay khi nói lời sau cùng các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình, tiếp tục việc học nhằm có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, sau khi Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản cáo trạng thì Võ Đại L, Nguyễn Phạm Duy K, Trương Thanh T3, Lê Đình Quốc V, Lý Ngọc T2, Đoàn Minh N1, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Tấn L1 và Trần Văn T8 đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với bản kết luận điều tra của Công an quận G, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

[2] Về áp dụng pháp luật: Căn cứ quy định của Điều 3; điểm b, c khoản 1 Điều 4 của Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự, đối chiếu Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 với Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025 thì không có quy định có lợi cho người phạm tội. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước trước 00 giờ 00 phút ngày 01 tháng 7 năm 2025 nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo. Đồng thời các bị cáo chưa thành niên được áp dụng Điều 119 và Điều 124 Luật Tư pháp người chưa thành niên Luật số 59/2024/QH15 ngày 30/11/2024.

[3] Đối chiếu lời khai của các bị cáo với toàn bộ chứng cứ đã thu thập được tại cơ quan điều tra, cũng như lời khai của nhân chứng, bản kết luận giám định pháp y, kết luận điều tra của Công an quận G và Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp hoàn toàn phù hợp nhau. Do đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở pháp lý để cho rằng hành vi của Võ Đại L, Nguyễn Phạm Duy K, Trương Thanh T3, Lê Đình Quốc V và Lý Ngọc T2 đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích”. Tội phạm và hình phạt tương ứng được quy định tại Điều 134 của Bộ

luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017. Võ Đại L, Lý Ngọc T2, Đoàn Minh N1, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Tấn L1 và Trần Văn T8 đã phạm vào tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tội phạm và hình phạt trừng trị được qui định tại Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017.

[4] Hành vi của các bị cáo Võ Đại L, Nguyễn Phạm Duy K, Trương Thanh T3, Lê Đình Quốc V và Lý Ngọc T2 là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến tính mạng sức khỏe, quyền được sống của người khác được Nhà nước và Pháp luật bảo hộ. Các bị cáo chỉ vì sự mâu thuẫn trong sinh hoạt ngoài xã hội đã có lời nói khiêu khích thách đố nhau các bị cáo đã cùng rủ rê lôi kéo nhau cùng thực hiện việc đánh nhau gây ồn ào mất trật tự tại địa phương, các bị cáo đã gây nên hậu quả nghiêm trọng dẫn đến em Trịnh Thái M (sinh ngày 22/01/2006) bị chấn thương và đã chết. làm ảnh hưởng trực tiếp đến sinh hoạt, cuộc sống đau buồn cho gia đình bị hại. Nên Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp áp dụng điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung 2017 để truy tố đối với bị cáo là có cơ sở. Vì vậy cần thiết phải có mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi tội lỗi của bị cáo đã thực hiện. Ngoài ra, bị cáo Võ Đại L, Lý Ngọc T2 còn phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung 2017. Đối với các bị cáo Đoàn Minh N1, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Tấn L1 và Trần Văn T8 cùng tham gia đánh nhau gây mất trật tự tại địa phương (địa phương đã có công văn yêu cầu xử lý). Tuy nhiên, không tham gia vào việc gây thương tích dẫn đến chết người cho em Trịnh Thái M nên Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp truy tố các bị cáo Đoàn Minh N1, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Tấn L1 về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung 2017. Riêng bị cáo Trần Văn T8 khi gây rối trật tự công cộng đã sử dụng ống nước đánh Nguyễn Tấn L1 là hung khí nên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung 2017 là có cơ sở.

[5] Tuy nhiên, khi lượng hình cũng xem xét cho các bị cáo một số tình tiết: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên toà hôm nay các bị cáo đã thật thà khai báo và thành khẩn nhận tội, gia đình các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, đã tích cực động viên gia đình bồi thường khắc phục một phần cho những người bị hại, bên phía gia đình bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Đối với Đoàn Minh N1, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Tấn L1 và Trần Văn T8, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng các bị cáo đã thật thà khai báo và thành khẩn nhận tội, gia đình các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo cũng nên xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, cho các bị cáo có mức án với thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục và răn đe cho các bị cáo. Đối với các bị cáo Lý Ngọc T2, Trương Thanh T3, Trần Văn T8 và Nguyễn Minh Đ đã chủ động ra đầu thú cũng cần xem xét khi lượng hình cho các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên toà hôm nay, Luật sư và đại diện hợp pháp cho bị hại là bà Trương Thị T9 có mặt, thừa nhận đã được bồi thường một phần chi phí ma chay và tổn thất tinh thần số tiền 190.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu gia đình các bị cáo liên đới bồi thường thêm 90.000.000 đồng và đã xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các Gia đình các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà Trương Thị T9. Xét thấy, việc thỏa thuận bồi thường giữa bà T9 và gia đình các bị cáo là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 ống nhựa B dài 167cm (loại Fi 21), 01 cục bê tông hình khối kích thước 20x14x12 cm, 02 vại mảnh nhựa màu đỏ và 01 vại viên gạch men đã bị vỡ tung khí các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không còn giá trị sử dụng, Hội đồng xét xử quyết định tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung S8 của Đỗ Minh N5 và 01 điện thoại di động hiệu OPPO của Đỗ Thị Tuyết N3 là tư vật của bị cáo N5 và của N3 không liên quan đến vụ án, Hội đồng xét xử quyết định trả lại cho bị cáo N5 và Đỗ Thị Tuyết N3;

- Đối với 02 USB hiệu Kingston chứa 06 đoạn video ghi lại hình ảnh các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội là chứng cứ vụ án, Hội đồng xét xử quyết định tịch thu bổ sung chứng cứ hồ sơ.

- Đối với 01 xe gắn máy Dream màu nho biển số 53V5-7046 thu giữ của Huỳnh Hoàng L5. Qua xác minh xe gắn máy trên do chị Trần Thị Bích L4, sinh năm 1970, nơi cư trú: 1 P, phường A, quận G đứng tên chủ sở hữu. Qua là việc chị L4 cho biết đã bán xe gắn máy trên cho một người không rõ lai lịch. Cơ quan điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng đến nay không ai đến trình báo, Hội đồng xét xử nhận thấy xe không có nguồn gốc rõ ràng và đã quá thời hạn quy định của pháp luật nên quyết định tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 xe gắn máy biển số 53Y4-8170 thu giữ tại hiện trường (do Trịnh Thái M điều khiển). Qua xác minh xe gắn máy trên do anh Trần Thọ C, sinh năm 1963, nơi cư trú: số A T - T, xã T, huyện H đứng tên chủ sở hữu. Xác minh tại nơi cư trú hiện tại anh Trần Thọ C không có mặt nên chưa làm việc được. Bà T9 mẹ của Trịnh Thái M cho biết đã mua xe này khoảng 7 năm trước của 01 tiệm sửa xe không có làm giấy mua bán đã mất giấy tờ không còn gì chứng minh nguồn gốc chiếc xe, Hội đồng xét xử nhận thấy xe không có nguồn gốc rõ ràng và đã quá thời hạn quy định của pháp luật nên quyết định tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 (một) xe gắn máy biển số 51R4-9587 thu giữ tại hiện trường (do Đoàn Minh N1 điều khiển). Qua xác minh xe gắn máy trên xác định do anh Phạm Minh P, sinh năm: 1977, nơi cư trú: 4 Thôn G, phường A, quận G đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc anh P cho biết đã bán xe gắn máy trên cho một người không rõ lai lịch. Bà Đinh Thị Thu T6 mẹ của Đoàn Minh N1 cho biết chiếc xe

do bà nội mua từ lâu có giấy tờ xe nhưng đã làm mất giờ không có gì chứng minh nguồn gốc của chiếc xe. Cơ quan điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng đến nay không ai đến trình báo, Hội đồng xét xử nhận thấy xe không có nguồn gốc rõ ràng và đã quá thời hạn quy định của pháp luật nên quyết định tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 (một) xe gắn máy Wave S màu bạc biển số 60X3-1420 thu giữ tại hiện trường (xe do Nguyễn Phạm Duy K điều khiển). Qua xác minh xe gắn máy trên do anh Đặng Công K2 đứng tên chủ sở hữu, Bà Phạm Thị T1 mẹ của Phạm Duy K cho biết chồng bà ông Nguyễn Hữu D1 đã mua chiếc xe này khoảng hơn 5 tháng với giá 8.000.000 đồng từ cửa hàng X có giấy mua bán. Hội đồng xét xử nhận thấy xe có nguồn gốc và việc mua bán là ngay tình nên quyết định trả lại cho bà Phạm Thị T1, bà T1 có trách nhiệm liên hệ cơ quan chức năng thực hiện việc sang tên đổi chủ.

- Đối với 01 (một) xe gắn máy biển số 37D1-500.15 thu giữ tại hiện trường (do Nguyễn Tấn L1 điều khiển). Qua xác minh xe gắn máy trên do anh Phan Sỹ H6, sinh năm: 1985, nơi cư trú: X6, T, Đ đứng tên chủ sở hữu. Ngày 10.6.2020, anh H6 bán lại xe trên cho ông Nguyễn Tấn T7, sinh năm: 1973, ngụ: 383/50/19 L, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (cha của Nguyễn Tấn L1) với giá 6.000.000 đồng (chưa sang tên). Nguyễn Tấn L1 sử dụng xe đi gây án ông Nguyễn Tấn T7 không biết. Hội đồng xét xử nhận thấy xe có nguồn gốc và việc mua bán là ngay tình nên quyết định trả lại cho bà Phạm Thị T1, bà T1 có trách nhiệm liên hệ cơ quan chức năng thực hiện việc sang tên đổi chủ.

[8] Đối với Phạm Minh T11 có hành vi cùng với các bị cáo Võ Đại L, Lê Đình Quốc V, Lý Ngọc T2, Trương Thanh T3, Nguyễn Phạm Duy K xông vào đánh Trịnh Thái M dẫn đến tử vong, tuy nhiên lúc thực hiện hành vi Phạm Minh T11 chỉ mới 13 tuổi 02 tháng 26 ngày nên chưa đủ tuổi truy cứu trách nhiệm hình sự nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự.

Đối với Huỳnh Hoàng L5 (13 tuổi 10 tháng 02 ngày) có hành vi đánh nhau gây mất trật tự công cộng và Đỗ Thị Tuyết N3 (15 tuổi 02 tháng 06 ngày) có hành vi cùng tham gia đi đánh nhau gây mất trật tự công cộng, tuy nhiên do chưa đủ tuổi truy cứu trách nhiệm hình sự nên không đủ cơ sở để xử.

Đối với thương tích của Nguyễn Tấn L1 quá trình điều tra Nguyễn Tấn L1 có đơn không yêu cầu xử lý hình sự và từ chối giám định thương tích nên không có cơ sở để xử lý.

[9] Xét lời bào chữa của các luật sư có một phần cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[10] Về án phí: Các bị cáo Võ Đại L, Lý Ngọc T2, Trương Thanh T3, Nguyễn Tấn L1, Nguyễn Minh Đ và Trần Văn T8, Lê Đình Quốc V, Đoàn Minh N1 phải chịu theo quy định của pháp luật. Đối với các bị cáo Nguyễn Phạm Duy K khi phạm tội chưa đủ 16 tuổi nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Võ Đại L, Lý Ngọc T2 phạm tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Gây rối trật tự công cộng”. Các bị cáo Trương Thanh T3, Lê Đình Quốc V và Nguyễn Phạm Duy K phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Các bị cáo Đoàn Minh N1, Nguyễn Tấn L1, Nguyễn Minh Đ và Trần Văn T8 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Căn cứ Điều 3; điểm b, c khoản 1 Điều 4 của Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 134; khoản 1 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 91; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên Luật số 59/2024/QH15 ngày 30/11/2024;

- Xử phạt Võ Đại L 04 (bốn) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 03 (ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt là 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 31/10/2022.

- Xử phạt Lý Ngọc T2 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 03 (ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt là 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 31/10/2022.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên Luật số 59/2024/QH15 ngày 30/11/2024;

- Xử phạt Trương Thanh T3 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 31/10/2022.

- Xử phạt Lê Đình Quốc V 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 31/10/2022.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 124 và Điều Luật Tư pháp người chưa thành niên Luật số 59/2024/QH15 ngày 30/11/2024;

- Xử phạt Nguyễn Phạm Duy K 02 (hai) năm tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường G (Phường A, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 124 Luật Tư pháp người chưa thành niên Luật số 59/2024/QH15 ngày 30/11/2024;

- Xử phạt Trần Văn T8 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 03 (ba) tháng tính kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T (Phường A, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 124 Luật Tư pháp người chưa thành niên Luật số 59/2024/QH15 ngày 30/11/2024;

- Xử phạt Đoàn Minh N1 06 (sáu) tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 06 (sáu) tháng tính kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ (xã N, huyện H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt Nguyễn Minh Đ 01 (một) năm tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ (xã Đ, huyện H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt Nguyễn Tấn L1 01 (một) năm tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường G (Phường A, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp các bị cáo hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án sẽ ra quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án sẽ buộc bị cáo chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp hình phạt với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc gia đình các bị cáo Võ Đại L, Nguyễn Phạm Duy K, Trương Thanh T3, Lê Đình Quốc V và Lý Ngọc T2 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bà Trương Thị T9 số tiền 19.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Căn cứ Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017 và khoản 1, điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu và tiêu hủy 01 ống nhựa Bình Minh dài 167cm (loại Fi 21), 01 cục bê tông hình khối kích thước 20x14x12 cm, 01 vại mảnh nhựa màu đỏ và 01 vại viên gạch men đã bị vỡ.

- Tịch thu bổ sung chứng cứ hồ sơ 02 USB hiệu (đã bổ sung hồ sơ).

- Trả cho Đoàn Minh N1 01 điện thoại di động hiệu Samsung S8;

- Trả cho Đỗ Thị Tuyết N3 01 điện thoại di động hiệu OPPO;

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 xe gắn máy Dream màu nho biển số 53V5-7046 thu giữ của Huỳnh Hoàng L5; 01 xe gắn máy biển số 53Y4-8170 thu giữ tại hiện trường (do Trịnh Thái M điều khiển) và 01 (một) xe gắn máy biển số 51R4-9587 thu giữ tại hiện trường (do Đoàn Minh N1 điều khiển).

- Trả lại cho bà Phạm Thị T1 01 (một) xe gắn máy Wave S màu bạc biển số 60X3-1420, bà T1 có trách nhiệm liên hệ cơ quan chức năng thực hiện việc sang tên đổi chủ và trả lại cho ông Nguyễn Tấn T7 01 (một) xe gắn máy biển số 37D1-500.15 ông T7 có trách nhiệm liên hệ cơ quan chức năng thực hiện việc sang tên đổi chủ.

(Theo phiếu nhập kho vật chứng số 74/PNK, ngày 04/4/2023 của Công an quận G).

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và Lệ phí, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q về án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Võ Đại L, Lý Ngọc T2, Trương Thanh T3, Nguyễn Tấn L1, Nguyễn Minh Đ, Lê Đình Quốc V, Đoàn Minh N1 và Trần Văn T8 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng. Bị cáo Nguyễn Phạm Duy K không phải chịu án phí.

Gia đình các bị cáo Võ Đại L, Nguyễn Phạm Duy K, Trương Thanh T3, Lê Đình Quốc V và Lý Ngọc T2 phải liên đới nộp 900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, luật sư, đại diện hợp pháp cho bị hại và các đại diện hợp pháp cho các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại

phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự 2008;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

(Chủ tọa đã giải thích chế định án treo).

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND KV7-TPHCM;
- Phòng THADS KV7-TPHCM;
- Công an TP.HCM;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Các đại diện hợp pháp;
- Người CQLNVLQ;
- Luật sư;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký tên và đóng dấu)

Võ Thanh Bửu Tịnh